

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang
2. Ông Lê Ngọc Thơm

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 312/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1971. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Lê Thị Đ có nội dung như sau:**

Bà và ông Đỗ Văn P tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, thị xã L. Sau khi kết hôn, bà và ông P sống hạnh phúc không được bao lâu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không cùng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau. Ông P thường

xuyên nhậu rồi kiếm chuyện gây sự với bà Đ. Ngoài ra, ông P còn bạo hành bà Đ, như: dùng dao chém bà gây thương tích và Công an xã có làm việc. Hiện nay, bà và ông P đã không còn sống chung, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống nữa. Bà Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa bà và ông P là thật sự cần thiết, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Văn P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu.

*** Bị đơn:** Ông Đỗ Văn P.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay ông P vẫn vắng mặt không lý do.

* Qua xác minh tại địa phương: Bà Đ và ông P có hộ khẩu thường trú tại thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng bà Đ ông P sống chung có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, đánh nhau, ông P thường say xỉn nên vợ chồng không hòa thuận, hiện ông bà đã không còn sống chung với nhau.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử; Quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cho bà Đ được ly hôn ông P; Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Đỗ Văn P hiện sinh sống và đăng ký thường trú tại: Thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Đỗ Văn P vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

3.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị Đ và ông Đỗ Văn P tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T. T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49/2020, ngày 09/7/2020, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp kể từ khi đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông P vì thực tế bà đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả; Về phía bị đơn ông Đỗ Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông P không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không lý do, qua đó cho thấy ông P bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa vợ chồng bà Đ, ông P thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau, hiện nay giữa bà Đ và ông P đã không còn sống chung, không còn chăm sóc hay chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống nữa, giữa bà Đ và ông P đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. **Về con chung:** Không có.

3.3. **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Đ và ông P không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn”

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Đ được ly hôn ông Đỗ Văn P.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ và ông P không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: Bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005207 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà Đ đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho bà Đ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2022). Riêng bị đơn ông Đỗ Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND xã Tân Tiến;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Huỳnh Thị Vũ Toàn